

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO 2

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/202/QH15, Luật số 88/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung điểm i, điểm l khoản 3 Điều 3

“i) Buộc lắp đặt thiết bị giám sát hành trình, thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe, **thiết bị ghi nhận hình ảnh khoang chở khách**, dây đai an toàn, ghế ngồi cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học, dụng cụ, thiết bị chuyên dùng để cứu hộ, hỗ trợ cứu hộ trên xe theo đúng quy định;

l) Buộc cung cấp, cập nhật, truyền dẫn, lưu trữ, quản lý thông tin, dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình, thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe, **thiết bị ghi nhận hình ảnh khoang chở khách** lắp trên xe ô tô theo quy định;”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung điểm m khoản 3 Điều 6

“m) Chở trẻ em dưới 10 tuổi và chiều cao dưới 1,35 mét trên xe ô tô ngồi cùng hàng ghế với người lái xe (trừ loại xe ô tô chỉ có một hàng ghế) hoặc không sử dụng thiết bị an toàn phù hợp cho trẻ em theo quy định (**trừ xe kinh doanh vận tải**);”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 13

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 6 như sau:

“b) Điều khiển xe không có giấy chứng nhận hoặc tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (đối với loại xe có quy định phải kiểm định, trừ xe đăng ký tạm thời) hoặc có nhưng đã hết hiệu lực (hạn sử dụng) từ 01 tháng trở lên (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc); **điều khiển xe không được dán tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường hoặc được dán tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường nhưng không đúng quy định (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc).**”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 8 như sau:

“b) Điều khiển xe không gắn đủ biển số hoặc gắn biển số không đúng vị trí, không đúng quy cách theo quy định; gắn biển số không rõ chữ, số hoặc ~~sử dụng chất liệu khác~~ sơn, dán lên chữ, số của biển số xe; gắn biển số bị bể cong, che lấp, làm thay đổi chữ, số, màu sắc (của chữ, số, nền biển số xe), hình dạng, kích thước của biển số xe **hoặc sử dụng chất liệu, vật liệu, thiết bị làm thay đổi tính năng nhận biết thông tin của biển số xe** (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc).”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 14

“b) Điều khiển xe gắn biển số không đúng vị trí, không đúng quy cách theo quy định; gắn biển số không rõ chữ, số hoặc ~~sử dụng chất liệu khác~~ sơn, dán lên chữ, số của biển số xe; gắn biển số bị bể cong, che lấp, làm thay đổi chữ, số, màu sắc (của chữ, số, nền biển số xe), hình dạng, kích thước của biển số xe **hoặc sử dụng chất liệu, vật liệu, thiết bị làm thay đổi tính năng nhận biết thông tin của biển số xe.**”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 17

“a) Chở đất đá, phế thải, hàng rời mà không có mui, bạt che đậy hoặc có mui, bạt ~~che đậy~~ nhưng ~~vẫn để rơi vãi không che đậy kín~~; làm rơi vãi hàng hóa, vật liệu xây dựng, **đất đá, phế thải, bùn, hàng rời** trên đường bộ; chở hàng hoặc chất thải để nước chảy xuống mặt đường bộ ~~gây mất an toàn giao thông~~;”.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 20

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm đ, điểm g, điểm l, điểm m như sau:

“đ) Điều khiển xe vận tải hành khách theo hợp đồng sử dụng hợp đồng bằng văn bản giấy không có **hợp đồng vận tải**, danh sách hành khách theo quy định; có hợp đồng vận tải nhưng không đúng theo quy định; **đón khách**, chở người không có tên trong danh sách hành khách **theo hợp đồng đã ký**; **đón, trả trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên, cán bộ, công chức, viên chức, công nhân không đúng địa điểm trong hợp đồng vận tải đã ký**; vận chuyển không đúng đối tượng theo quy định (áp dụng đối với xe kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng

vận chuyển trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên, cán bộ, công chức, viên chức, công nhân);

g) Điều khiển xe vận chuyển hành khách theo hợp đồng mà **đón, trả khách tại trụ sở chính, trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc tại một địa điểm cố định khác do đơn vị kinh doanh vận tải thuê, hợp tác kinh doanh** hoặc đón, trả hành khách không đúng địa điểm được ghi trong hợp đồng vận tải đã ký, trừ hành vi vi phạm quy định tại khoản 8 Điều này;

l) Điều khiển xe ô tô ~~chở người từ 08 chỗ trở lên (không kể chỗ của người lái xe)~~ kinh doanh vận tải hành khách không lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe hoặc có lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe nhưng không có tác dụng trong quá trình xe tham gia giao thông theo quy định hoặc làm sai lệch dữ liệu của thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe lắp trên xe ô tô;

m) Điều khiển xe vận tải hành khách theo hợp đồng sử dụng hợp đồng điện tử không có thiết bị để truy cập được nội dung của hợp đồng điện tử và danh sách hành khách **hoặc có thiết bị nhưng không truy cập được nội dung của hợp đồng điện tử và danh sách hành khách** ~~hoặc có nhưng không cung cấp cho lực lượng chức năng khi có yêu cầu; sử dụng có hợp đồng điện tử nhưng không đúng theo quy định, hoặc tự ý thay đổi thông tin của hợp đồng điện tử, danh sách hành khách đã ký; đón khách, chở người không có tên trong danh sách hành khách theo hợp đồng đã ký; đón, trả trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên, cán bộ, công chức, viên chức, công nhân không đúng địa điểm trong hợp đồng vận tải đã ký; vận chuyển không đúng đối tượng theo quy định (áp dụng đối với xe kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng vận chuyển trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên, cán bộ, công chức, viên chức, công nhân);”.~~

b) Bổ sung điểm n vào sau điểm m như sau:

“n) Điều khiển xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách từ 08 chỗ trở lên (không kể chỗ của người lái xe) không lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh khoang chở khách hoặc có lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh khoang chở khách nhưng không có tác dụng trong quá trình xe tham gia giao thông theo quy định hoặc làm sai lệch dữ liệu của thiết bị ghi nhận hình ảnh khoang chở khách lắp trên xe ô tô.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm d như sau:

“d) Điều khiển xe ô tô kinh doanh vận tải, xe vận tải nội bộ quá thời gian lái xe liên tục theo quy định **(trừ trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan)** ~~tại khoản 1 Điều 64 của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;~~ không thực hiện đúng quy định về thời gian nghỉ giữa hai lần lái xe liên tục của người lái xe;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm đ như sau:

“đ) Điều khiển xe kinh doanh vận tải hành khách, **xe vận tải nội bộ** không lắp thiết bị giám sát hành trình của xe theo quy định hoặc có lắp thiết bị giám sát hành trình của xe nhưng thiết bị không hoạt động theo quy định hoặc làm sai lệch dữ liệu của thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô;”.

3. Bổ sung khoản 8a vào sau khoản 8 như sau:

“8a. Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô không kinh doanh vận tải hành khách nhưng chở người có thu tiền hoặc ký hợp đồng, nhận đặt chỗ để chở người trên xe.”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 10 như sau:

“c) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 8, **khoản 8a** Điều này bị trừ điểm giấy phép lái xe 06 điểm;”.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 21

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Chở hàng trên nóc thùng xe; chở hàng vượt quá bề rộng thùng xe (kể cả bề rộng rơ moóc và sơ mi rơ moóc); chở hàng vượt phía trước, phía sau thùng xe (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) trên ~~1,4 lần~~ **10%** chiều dài toàn bộ của xe theo thiết kế được ghi trong giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 8 Điều 21 Nghị định này.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

“b) Điều khiển xe **ô tô kinh doanh vận tải**, xe ô tô đầu kéo, **xe vận tải nội bộ** không lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe hoặc có lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe nhưng không có tác dụng trong quá trình xe tham gia giao thông theo quy định hoặc làm sai lệch dữ liệu của thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe lắp trên xe ô tô.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 5 như sau:

“b) Điều khiển xe ô tô kinh doanh vận tải, **xe vận tải nội bộ** quá thời gian **lái xe liên tục** theo quy định ~~tại khoản 1 Điều 64 của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ~~ **(trừ trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan)**; không thực hiện đúng quy định về thời gian nghỉ giữa hai lần lái xe liên tục của người lái xe;

c) Điều khiển xe ô tô kinh doanh vận tải ~~hàng hoá~~, **xe vận tải nội bộ** không lắp thiết bị giám sát hành trình hoặc có lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng không có tác dụng trong quá trình xe tham gia giao thông theo quy định hoặc làm sai lệch dữ liệu của thiết bị giám sát hành trình lắp trên xe ô tô;”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm d, điểm đ như sau:

“d) Chở thiết bị có hình dạng như công-ten-nơ (không phải công-ten-nơ), thùng xe hoặc thùng để chứa hàng vượt quá kích thước ghi trong giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của rơ moóc, sơ mi rơ moóc; chở hàng không đúng với thông tin ghi trong giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của rơ moóc, sơ mi rơ moóc;

đ) Vận chuyển hàng trên xe không chằng buộc hoặc có chằng buộc nhưng không bảo đảm an toàn, trừ hành vi vi phạm quy định tại khoản 10 Điều này; **vận chuyển hàng rời, vật liệu xây dựng trên xe mà xe không có hoặc không có đủ thành thùng.”;**

b) Bổ sung điểm e vào sau điểm đ như sau:

“e) Điều khiển xe ô tô không kinh doanh vận tải hàng hóa nhưng chở hàng hóa trên xe có thu tiền.”.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 26

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm e như sau:

“e) Sử dụng xe kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng mà trên xe không có hợp đồng vận tải, danh sách hành khách; **không có** thiết bị để truy cập nội dung hợp đồng điện tử và danh sách hành khách theo quy định; **có hợp đồng nhưng không đúng theo quy định; tự ý thay đổi thông tin của hợp đồng điện tử, danh sách hành khách đã ký; đón khách**, chở người không có tên trong danh sách hành khách **theo hợp đồng đã ký**; vận chuyển không đúng đối tượng theo quy định (áp dụng đối với xe kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng vận chuyển trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên, cán bộ, công chức, viên chức, công nhân);”;

b) Bổ sung điểm k vào sau điểm i như sau:

“k) Sử dụng xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách từ 08 chỗ trở lên (không kể chỗ của người lái xe) không lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh khoang chở khách theo quy định hoặc có lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh khoang chở khách nhưng không ghi, không lưu trữ được dữ liệu trên xe trong quá trình xe tham gia giao thông theo quy định hoặc làm sai lệch dữ liệu của thiết bị ghi nhận hình ảnh khoang chở khách trên xe ô tô.”.

2. Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 8 như sau:

“d) Sử dụng xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng mà xác nhận đặt chỗ **cho từng hành khách đi xe ngoài hợp đồng đã ký kết hoặc bán vé, thu tiền ngoài hợp đồng đã ký kết**; ấn định hành trình, lịch trình cố định để phục vụ cho nhiều hành khách hoặc nhiều người thuê vận tải khác nhau.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 13 như sau:

“c) Thực hiện hành vi quy định tại điểm đ, điểm e khoản 4; điểm c, điểm g, **điểm k** khoản 7 Điều này buộc lắp đặt thiết bị giám sát hành trình, thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe, dây đai an toàn, ghế ngồi cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học trên xe theo đúng quy định;”.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 29

1. Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 như sau:

“3a. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Điều khiển xe ô tô cứu hộ giao thông đường bộ chở xe được cứu hộ mà vượt quá khối lượng cho phép chuyên chở của xe cứu hộ; kéo theo xe được cứu hộ mà vượt quá khối lượng cho phép kéo theo của xe cứu hộ được ghi trong giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe;

b) Điều khiển xe ô tô cứu hộ giao thông đường bộ chở hoặc kéo theo xe mà xe được chở hoặc kéo theo không phải là xe bị hư hỏng, bị sự cố.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, người điều khiển phương tiện thực hiện hành vi quy định tại khoản 3, **khoản 3a** Điều này bị trừ điểm giấy phép lái xe 02 điểm.”.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 32

1. Bổ sung khoản 9a vào sau khoản 9 như sau:

“9a. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với tổ chức là chủ xe vận tải nội bộ thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Đưa xe không lắp thiết bị giám sát hành trình của xe hoặc có lắp thiết bị nhưng thiết bị không hoạt động, không đúng quy chuẩn theo quy định hoặc làm sai lệch dữ liệu của thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô;

b) Đưa xe không lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe hoặc có lắp thiết bị nhưng không ghi, không lưu trữ được dữ liệu theo quy định hoặc làm sai lệch dữ liệu của thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe lắp trên xe ô tô.”.

2. Bổ sung điểm e vào sau điểm đ khoản 11 như sau:

“e) Giao phương tiện hoặc để cho người làm công, người điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 8a Điều 20 của Nghị định này.”.

3. Bổ sung điểm e vào sau điểm đ khoản 13 như sau:

“e) Giao phương tiện hoặc để cho người làm công, người đại diện điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm c, điểm d, điểm e khoản 8 Điều 21 của Nghị định này hoặc trực tiếp điều khiển phương tiện thực

hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm c, điểm d, điểm e khoản 8 Điều 21 của Nghị định này.”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm l khoản 19 như sau:

“l) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm o khoản 7, **khoản 9a** Điều này buộc lắp đặt dụng cụ, thiết bị chuyên dùng để cứu hộ, hỗ trợ cứu hộ, thiết bị giám sát hành trình, thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe trên xe theo đúng quy định.”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 21 như sau:

“c) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a, điểm b, điểm đ, **điểm e** khoản 13; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 14; điểm a khoản 16 Điều này trong trường hợp chủ phương tiện là người trực tiếp điều khiển phương tiện còn bị trừ điểm giấy phép lái xe 04 điểm;”.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 41

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 như sau:

“d) Điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm e khoản 1; điểm a khoản 2; điểm a, điểm b, điểm c, điểm g, điểm h, điểm i, điểm k khoản 3; điểm b, điểm d, điểm i, điểm k khoản 4; điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h, điểm i, điểm k khoản 5; khoản 7; khoản 8 Điều 39.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn đầu như sau:

“5. Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Xây dựng thành lập, Giám đốc Sở Xây dựng, Trưởng đoàn kiểm tra do Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam thành lập, Giám đốc Khu Quản lý đường bộ thuộc Cục Đường bộ Việt Nam có thẩm quyền xử phạt tại các điểm, khoản, điều Nghị định này như sau:”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b như sau:

“b) Khoản 1; khoản 2; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 3; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h khoản 4; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 5; khoản 6 Điều 39; Điều 40.”.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung Điều 42

“Điều 42. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến ~~5.000.000~~ 37.500.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 (~~trừ điểm c khoản 3 Điều 3~~) của Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.”.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung Điều 43

“Điều 43. Thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân

1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến ~~500.000~~ 7.500.000 đồng.

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 15.000.000 đồng.

2. Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp đại đội có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến ~~1.500.000~~ 15.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 30.000.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 (~~trừ điểm c khoản 3 Điều 3~~) của Nghị định này.

3. Trưởng đồn Công an, Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp tiểu đoàn, Trưởng trạm, Đội trưởng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến ~~2.500.000~~ 22.500.000 đồng.

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 45.000.000 đồng;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 (~~trừ điểm c khoản 3 Điều 3~~) của Nghị định này.

4. Trưởng Công an cấp xã có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến ~~2.500.000~~ 37.500.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.

5. Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông gồm: Trưởng phòng Hướng dẫn tuyên truyền, điều tra, giải quyết tai nạn giao thông, Trưởng phòng Hướng dẫn, đăng ký và kiểm định phương tiện, Trưởng phòng Hướng dẫn, đào tạo, sát hạch, quản lý giấy phép của người điều khiển phương tiện giao thông, Trưởng phòng Hướng dẫn tuần tra, kiểm soát giao thông đường bộ, đường sắt, Trưởng phòng Hướng dẫn điều khiển giao thông và dẫn đoàn, ~~Trưởng phòng Hướng dẫn tuần tra, kiểm soát và đấu tranh phòng, chống tội phạm trên đường thủy nội địa, Thủy đoàn trưởng, Trưởng phòng Quản lý, khai thác, xử lý, vận hành dữ liệu và chuyển đổi số~~; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội gồm: Trưởng phòng Hướng dẫn, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo, Trưởng phòng Hướng dẫn, quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự và con dấu, Giám đốc Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư; Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp trung đoàn; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát cơ động có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 60.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.

6. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.

7. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Tư lệnh Cảnh sát cơ động có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.”.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung Điều 44

“Điều 44. Thẩm quyền xử phạt của Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Xây dựng thành lập, Giám đốc Sở Xây dựng, Trưởng đoàn kiểm tra do Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam thành lập và Giám đốc Khu Quản lý đường bộ thuộc Cục Đường bộ Việt Nam

1. Giám đốc Khu Quản lý đường bộ thuộc Cục Đường bộ Việt Nam có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;
 - c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
 - d) Áp dụng các các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 3 Nghị định này.
2. Giám đốc Sở Xây dựng, Trưởng đoàn kiểm tra do Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam thành lập có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 60.000.000 đồng;
 - c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
 - d) Áp dụng các các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 3 Nghị định này.
3. Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Xây dựng thành lập có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 3 Nghị định này.”.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 46

“2. Công chức, viên chức thuộc cơ quan quản lý đường bộ đang thi hành công vụ, nhiệm vụ có thẩm quyền lập biên bản đối với các hành vi vi phạm xảy ra trong phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị.”.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 50

1. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 như sau:

“đ) Không trừ điểm giấy phép lái xe khi giấy phép lái xe đó đang trong thời hạn bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe, **giấy phép lái xe quốc tế**.”.

2. Sửa đổi, bổ sung đoạn thứ hai điểm a khoản 3 như sau:

“Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp ~~huyện~~ xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm có trừ điểm giấy phép lái xe thì ~~Trưởng Công an cấp huyện hoặc~~ Trưởng phòng Cảnh sát giao thông Công an cấp tỉnh có trách nhiệm cập nhật dữ liệu trừ điểm giấy phép lái xe vào Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ;”.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026, trừ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách dưới 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe), xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa (trừ xe ô tô đầu kéo), xe vận tải nội bộ tại điểm l khoản 5 Điều 20, điểm b khoản 3 Điều 21, điểm b khoản 9a Điều 32 của Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2028.

3. Quy định tại điểm n khoản 5 Điều 20, điểm k khoản 7 Điều 26 của Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2029 và theo quy định của pháp luật về thiết bị ghi nhận hình ảnh khoang chở khách trên phương tiện giao thông đường bộ.

Điều 18. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trường hợp hành vi vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ xảy ra và kết thúc trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét giải quyết thì áp dụng nghị định đang có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm để xử phạt.

2. Đối với những hành vi mà xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực mà vẫn tiếp diễn đến khi Nghị định này có hiệu lực thì xử phạt theo Nghị định này.

Điều 19. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN. pvc

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG